

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 320/TTr-STC ngày 03/8/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; Nghị định số 254/2025/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Nghị định số 193/2026/NĐ-CP quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án và các văn bản pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng trong phạm vi quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Hình thức và định mức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền hoặc bằng hiện vật, với định mức hỗ trợ không vượt quá tổng mức đầu tư một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư của các dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước và theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định này.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 5. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

2. Chủ đầu tư mở tài khoản để thực hiện thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 157/2025/TT-BTC hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; mở mã số dự án theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

3. Tạm ứng vốn được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP. Chủ đầu tư lập hồ sơ tạm ứng vốn (gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng vốn) gửi tới Kho bạc Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

4. Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng (được quy định cụ thể trong hợp đồng) hoặc của dự toán được duyệt đối với công việc không thực hiện theo hợp đồng (trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư), đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng hoặc dự toán.

5. Thanh toán khối lượng hoàn thành được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP. Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành) gửi tới Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Quyết toán vốn đầu tư

1. Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hằng năm, Chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và tại Điều 22 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

2. Quyết toán vốn đầu tư dự án

a) Việc quyết toán vốn đầu tư dự án trình thẩm tra, phê duyệt được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

b) Thành phần hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán và thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

c) Thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

d) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án trong năm theo quy định gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp chung theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP và Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; trình tự, thời gian lập, gửi, xét quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đúng quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trong tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành; kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu

quốc gia: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp tổ chức thực hiện.

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước khu vực XIV: Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định số 254/2025/NĐ-CP; đôn đốc các Chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo việc triển khai các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và người dân để thực hiện xây dựng công trình.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình quy mô nhỏ, có tính chất kỹ thuật đơn giản; tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

c) Lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hằng năm theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

d) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

đ) Giao cho Ban phát triển thôn (nhà thầu thi công) làm đầu mối triển khai thực hiện dự án, ký kết hợp đồng xây dựng với người dân trực tiếp tham gia thi công, đồng thời trực tiếp quản lý, vận hành công trình xây dựng.

e) Quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

g) Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; đồng thời tổ chức huy động đóng góp của nhân dân để thi công công trình.

5. Trách nhiệm của phòng chuyên môn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã

a) Chịu trách nhiệm xác định giá thị trường đối với hạng mục sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ.

b) Có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình.

c) Xây dựng kế hoạch bảo trì trên cơ sở quy trình bảo trì mẫu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trách nhiệm của Ban phát triển thôn (nhà thầu thi công)

a) Lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp gặp khó khăn trong lập hồ sơ xây dựng công

trình đơn giản, Ban phát triển thôn có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Tổ chức thi công công trình, phối hợp với các phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã thực hiện giám sát và nghiệm thu công trình.

c) Có trách nhiệm phối hợp với phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã xác định giá thị trường đối với hạng mục sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ.

d) Trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Kho bạc Nhà nước khu vực XIV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn